

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Hiệp

2. Ông Lê Minh Chiến

**- Thư ký phiên Tòa:** Ông Võ Nam Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1086/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 1196/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1996 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 118/1 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**\* Bị đơn:** Anh Trần Thiên Q, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 416 đường T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Đinh Thị Thanh T trình bày:** Chị và anh Trần Thiên Q có thời gian tìm hiểu 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại

UBND phường N vào năm 2014. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với mẹ chồng tại số nhà 416 T, phường N, thị xã A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn từ việc anh Q không có nghề nghiệp ổn định, không lo đi làm kiếm tiền nuôi vợ con trong khi chị vừa mới sinh con thứ hai mà phải một mình đi làm, kinh tế gia đình bấp bênh nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi. Đầu năm 2017 vợ chồng vào TP. Hồ Chí Minh làm việc nhưng anh Q vẫn không lo làm ăn nên đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và xảy ra xô xát đánh nhau. Sau đó chị chuyển thuê chỗ trọ khác còn anh Q cũng bỏ về sống tại phường N, thị xã A. Từ đó cho đến nay chị và anh Q chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau nói chuyện về con cái chứ không có lần nào bàn về vấn đề quay lại chung sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Thiên Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Trần Đình Cẩm T1 sinh ngày 20/5/2014 và Trần Khả H sinh ngày 20/9/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 người con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000đ. Đến ngày 22 tháng 02 năm 2022 chị có đơn xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án nhân dân thị xã A đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình anh Trần Thiên Q nhưng anh Q không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đình Thị Thanh T với anh Trần Thiên Q.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Đình Cẩm T1 sinh ngày 20/5/2014 và Trần Khả H sinh ngày 20/9/2016 cho chị Đình Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Đình Thị Thanh T.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết

5. Án phí, lệ phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa, chị Đinh Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Thiên Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Thanh T và anh Trần Thiên Q xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND phường N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị T và anh Q chung sống đến năm 2017 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân từ việc anh Q không lo làm ăn, kinh tế gia đình bấp bênh nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn đánh nhau và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã A đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần giao giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trần Thiên Q đến Tòa để trình bày ý kiến yêu cầu của mình và tham gia hòa giải nhưng anh Trần Thiên Q từ chối không nhận văn bản của Tòa án và cố tình tránh né không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến yêu cầu và cũng không tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành. Điều này chứng tỏ anh Q không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T, hơn nữa từ năm 2017 cho đến nay giữa chị T và anh Q cũng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Thanh T đối với anh Trần Thiên Q.

[2.2] Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh Q có 02 người con tên Trần Đình Cẩm T1 sinh ngày 20/5/2014 và Trần Khả H sinh ngày 20/9/2016 hiện do chị đang nuôi dưỡng, ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con. Mặc dù không có lời khai của anh Q nhưng qua các chứng cứ là giấy khai sinh do chị T cung cấp và qua xác minh mẹ của anh Q là bà Ngô Thị H1 xác nhận vợ chồng chị T, anh Q có 02 người con đúng như chị T đã trình bày. Xét yêu cầu nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng từ lúc vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân, hai người con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và trong quá trình lấy ý kiến của cháu Trần Đình Cẩm T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó để đảm bảo việc học cũng như môi trường sống của các cháu được ổn định nên giao 02 người con Trần Đình Cẩm T1 và Trần Khả H cho

chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện, chị Đinh Thị Thanh T có yêu cầu anh Trần Thiên Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000đ. Đến ngày 22 tháng 02 năm 2022 chị T có đơn xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005092 ngày 08/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Thiên Q.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con tên Trần Đình Cẩm T1 sinh ngày 20/5/2014 và Trần Khả H sinh ngày 20/9/2016 cho chị Đinh Thị Thanh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T do chị T rút yêu cầu

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con

mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4- Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết.

5- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005092 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

6- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- UBND phường N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**